



Tibaco

TIA SANG BATTERY JOINT STOCK COMPANY



Do người tiêu dùng
bình chọn

ISO 9001:2008
ISO 14001:2004



CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đồng, An Dương, TP. Hải Phòng, Việt Nam

ĐT: (0313) 857 080 - Fax: (0313) 835 876

Email: Info@tiasangbattery.com - Website: www.tiasangbattery.com



Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng (TIBACO) là đơn vị đầu tiên sản xuất ắc quy tại Việt Nam, được thành lập ngày 02/09/1960, cổ phần hóa năm 2004. Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đồng, An Dương, TP Hải Phòng. Diện tích mặt bằng: 35.000m²

Sản phẩm:

Công ty sản xuất trên 120 chủng loại ắc quy chì-axit bao gồm các dòng sản phẩm:

- Ắc quy tích điện khô, ắc quy kín khí (12V, có dung lượng 4Ah đến 12Ah) sử dụng cho xe máy.
- Ắc quy dân dụng (12V, có dung lượng 20Ah đến 30Ah) sử dụng cho thắp sáng.
- Ắc quy khởi động tích điện khô, ắc quy khởi động miễn bảo dưỡng MF (12V, có dung lượng 35Ah đến 210Ah) sử dụng cho ô tô, tàu thuyền, máy bay, xe tăng, ...
- Ắc quy công nghiệp kín khí : loại 2V (dung lượng 100Ah đến 1200Ah), 6V (dung lượng 1,2Ah đến 200Ah) và 12V (dung lượng 1,2Ah đến 200Ah) sử dụng cho trạm viễn thông, điện lực, năng lượng mặt trời, năng lượng gió, tín hiệu giao thông, xe đạp điện, UPS, ...

Các chủng loại ắc quy mang nhãn hiệu TS, TiaSang, Phoenix, Eversun, Elnika,... được sản xuất theo công nghệ Hàn Quốc trên dây chuyền thiết bị hiện đại của các nước trên thế giới: Mỹ, Anh, Ý, Hàn Quốc, Đài Loan.

Hệ thống quản lý chất lượng, môi trường:

TIBACO đảm bảo chất lượng ổn định và thân thiện với môi trường bởi việc vận hành và quản lý bằng: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004.

Hệ thống phân phối và dịch vụ sau bán hàng:

Sản phẩm ắc quy Tia Sáng được phân phối rộng khắp các tỉnh thành trên toàn quốc thông qua các Nhà phân phối/ Đại lý, tạo điều kiện thuận lợi cho Người tiêu dùng tìm mua sản phẩm của TIBACO. Ngoài ra sản phẩm TIBACO được xuất khẩu sang các nước như: Châu Á (Hàn Quốc, Phi-lip-pin, Campuchia, Myanmar, Lào, Yemen), Châu Âu (Thụy Điển, Anh, Cộng hòa Séc), Châu Phi (Angola), Châu Mỹ (Venezuela),...

TIBACO thực hiện chính sách "Bảo hành toàn quốc" . Sản phẩm được bảo hành ngay tại các Nhà phân phối/Đại lý với dịch vụ hoàn hảo

Danh hiệu:

Trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng vinh dự, tự hào được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc Lập hạng Ba, Huân chương Lao Động hạng Nhất, Cờ thi đua xuất sắc, Bằng khen của Chính phủ và Bộ Công thương. Sản phẩm TIBACO nhiều năm được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Chất lượng là sự tồn tại và phát triển của Công ty cổ phần ắc quy Tia Sáng

Chúng tôi cam kết thỏa mãn mọi nhu cầu đã được thỏa thuận với khách hàng, cung cấp các loại sản phẩm ắc quy và dịch vụ kỹ thuật với chất lượng cao, giá cả hợp lý và giao hàng đúng thời hạn trên những nguyên tắc sau đây:

- Xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Tăng cường đầu tư thiết bị và công nghệ tiên tiến để tạo ra năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.
- Liên tục đào tạo nâng cao trình độ và kỹ năng cần thiết cho CBCNV. Tạo mọi điều kiện cho mỗi cá nhân tự do sáng tạo và phát huy năng lực của mình để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao.
- Liên tục tự hoàn thiện hệ thống chất lượng và cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



BẢO HÀNH TRÊN TOÀN QUỐC



ẮC QUY DÙNG CHO XE MÁY

STT	Chủng loại	Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
				Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
ẮC QUY TÍCH ĐIỆN KHÔ									
1	12N4	12	4	113	70	87	87	T5	B
2	12N5	12	5	120	60	130	130	T6	B
ẮC QUY KÍN KHÍ									
1	TSM 1240	12	4	113	70	89	89	T9	B
2	TSM 1250S	12	4.5	112	68	89	89	T9	B
3	TSM 1250W	12	5	136	75	94	94	T9	A
4	TSM 1250H	12	5	121	61	130	130	T9	B
5	TSM 1250MFH	12	5	121	61	132	132	T6	B
6	TSM 1260	12	6	113	70	106	106	T8	B
7	TSM 1260H	12	6	121	61	130	130	T9	B
8	TSM 1270MFH	12	7	114	70	133	133	T8	B
9	TSM 1270MFW	12	7	151	87	95	95	T7	A
10	TSM 1270	12	7	150	60	130	130	T6	A
11	TSM 1290	12	9	151	87	106	106	T9	A
12	TSM 12120H	12	12	151	87	132	132	T7	A

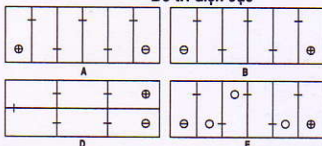
ẮC QUY DÂN DỤNG

STT	Chủng loại	Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
				Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
1	N20	12	20	235	94	170	192	T4	E
2	N28	12	28	235	94	170	192	T4	E
3	N30Z	12	30	276	96	170	190	T4	E

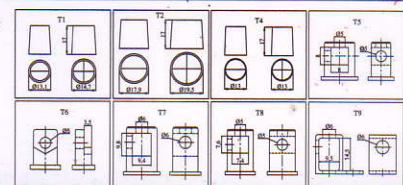
ẮC QUY KHỞI ĐỘNG

STT	Chủng loại	Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
				Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
1	NS40Z (R/L)	12	35	196	127	200	224	T1	A/B
2	NS40Z (R/L)S	12	35	196	127	200	224	T2	A/B
3	NS60 (R/L)	12	45	236	127	200	224	T1	A/B
4	NS60 (R/L)S	12	45	236	127	200	224	T2	A/B
5	N50 (R/L)	12	50	258	171	200	224	T2	A/B
6	N50Z (R/L)	12	60	258	171	200	224	T2	A/B
7	NS70 (R/L)	12	65	258	171	200	224	T2	A/B
8	N70 (R/L)	12	70	302	171	200	224	T2	A/B
9	N85 (R/L)	12	85	302	171	200	224	T2	A/B
10	N100	12	100	406	172	209	232	T2	A
11	N120	12	120	498	182	210	257	T2	D
12	N150S	12	135/140	506	220	210	257	T2	D
13	N150	12	150	506	220	210	257	T2	D
14	N200S	12	182	518	276	215	266	T2	D
15	N200	12	200	518	276	215	266	T2	D
16	N200Z	12	210	518	276	215	266	T2	D
17	N200CAT	12	200	512	223	196	228	T2	D

Bố trí điện cực



Tiêu chuẩn điện cực

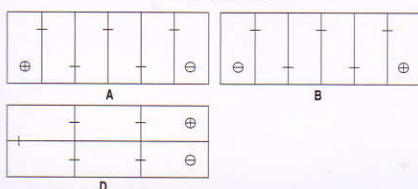




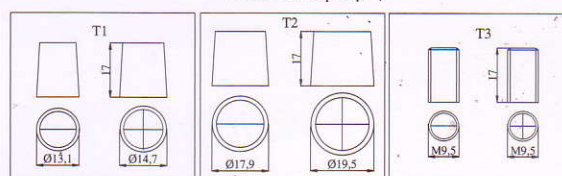
ẮC QUY KHỞI ĐỘNG MIỄN BẢO DƯỠNG

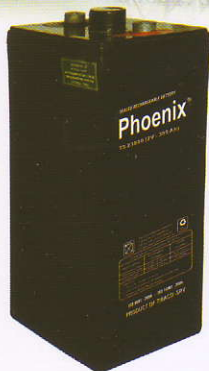
STT	Chủng loại		Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
	TIBACO	Old JIS/DIN			Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
1	MF 44B19 (R/L)	NS40Z (R/L)	12	40	196	127	200	224	T1	A/B
2	MF 44B19 (R/L)S	NS40Z (R/L)S	12	40	196	127	200	224	T2	A/B
3	MF 44B19F (R/L)	NS40Z (R/L)	12	40	196	136	200	224	T1	A/B
4	MF 50B24 (R/L)	NS60 (R/L)	12	45	236	127	200	224	T1	A/B
5	MF 50B24 (R/L)S	NS60 (R/L)S	12	45	236	127	200	224	T2	A/B
6	MF 55D23 (R/L)		12	60	230	171	200	224	T2	A/B
7	MF 75D23 (R/L)		12	65	230	171	200	224	T2	A/B
8	MF 48D26 (R/L)	N50 (R/L)	12	50	258	171	200	224	T2	A/B
9	MF 55D26 (R/L)	N50Z (R/L)	12	60	258	171	200	224	T2	A/B
10	MF 80D26 (R/L)	NX110-5 (R/L)	12	70	258	171	200	224	T2	A/B
11	MF 65D31 (R/L)	N70 (R/L)	12	70	302	171	200	224	T2	A/B
12	MF 95D31 (R/L)	NX120-7 (R/L)	12	80	302	171	200	224	T2	A/B
13	MF 105D31 (R/L)		12	90	302	171	200	224	T2	A/B
14	MF 31S-800		12	100	330	172	218	238	T3	A
15	MF 31A-800		12	100	330	172	218	238	T2	A
16	MF 160G51		12	150	506	220	210	234	T2	D
17	MF 210H52		12	200	518	266	216	240	T2	D
18	MF 54S19	DIN45 L	12	45	240	174	175	175	T2	B
19	MF 55S65	DIN55 R	12	55	240	174	190	190	T2	A
20	MF 55S59	DIN55 L	12	55	240	174	190	190	T2	B
21	MF 56S18	DIN63 L	12	63	276	174	175	175	T2	B
22	MF 56S33	DIN66 R	12	66	276	174	190	190	T2	A
23	MF 56S38	DIN66 L	12	66	276	174	190	190	T2	B
24	MF 58S21	DIN88 R	12	88	350	174	190	190	T2	A
25	MF 58S27	DIN88 L	12	88	350	174	190	190	T2	B

Bố trí điện cực



Tiêu chuẩn điện cực





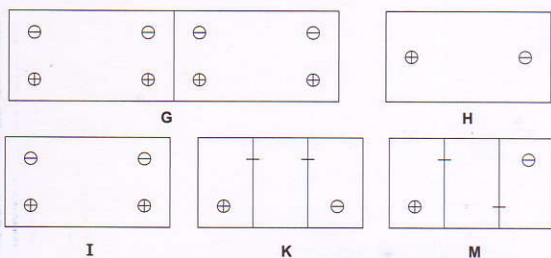
ẮC QUY CÔNG NGHIỆP KÍN KHÍ 2V

STT	Chủng loại	Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
				Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
1	TS21000	2	100	173	111	329	365	T17	H
2	TS21200	2	120						
3	TS21500	2	150						
4	TS22000	2	200						
5	TS22500	2	250	171	151	330	366	T17	H
6	TS23000	2	300						
7	TS24000	2	400	211	176	329	367	T17	I
8	TS25000	2	500						
9	TS26000	2	600	241	172	331	366	T17	I
10	TS27000	2	700						
11	TS28000	2	800	475	175	328	365	T17	G
12	TS210000	2	1000						
13	TS212000	2	1200						

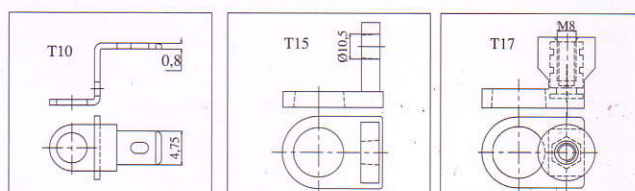
ẮC QUY CÔNG NGHIỆP KÍN KHÍ 6V

STT	Chủng loại	Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
				Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
1	TS612	6	1,2	97	25	52	57	T10	K
2	TS645	6	4,5	70	48	101	106	T10	M
3	TS6120	6	12	151	50	95	101	T10	K
4	TS61500	6	150	323	178	224	248	T15	M
5	TS62000	6	200	323	178	224	248	T15	M

Bố trí điện cực



Tiêu chuẩn điện cực

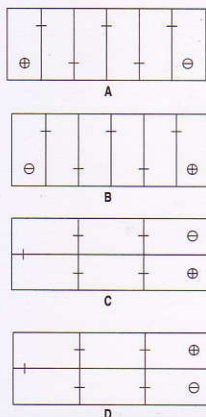




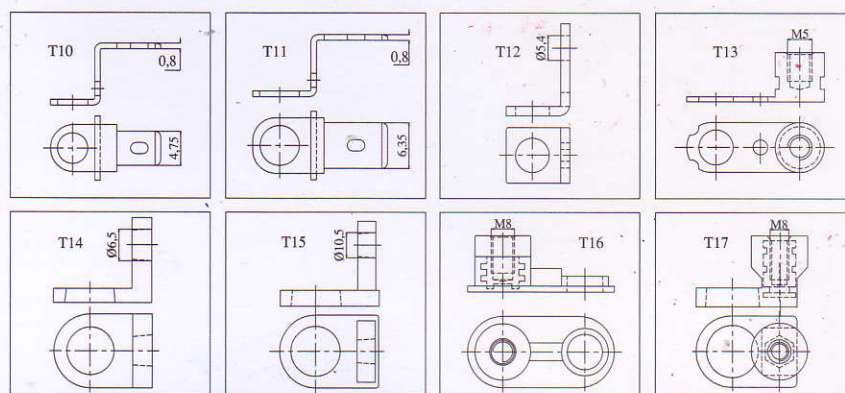
ẮC QUY CÔNG NGHIỆP KÍN KHÍ 12V

STT	Chủng loại	Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
				Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
1	TS1212	12	1,2	97	48	52	57	T10	D
2	TS1220	12	2	178	34	61	67	T10	A
3	TS1230	12	3	134	67	61	67	T10	C
4	TS1245	12	4,5	90	70	101	107	T10	B
5	TS1272	12	7,2	151	65	95	102	T10/T11	C
6	TS12120	12	12	151	96	95	102	T10/T11	C
7	TS12180	12	18	181	76	167	167	T12	B
8	TS12200	12	20	182	78	182	185	T13	B
9	TS12240W	12	24	166	176	126	126	T12	B
10	TS12240H	12	24	185	106	132	135	T13	C
11	TS12310	12	31	196	130	158	177	T14	A
12	TS12400	12	40	198	166	170	170	T14	A
13	TS12700	12	70	350	167	179	189	T14	A
14	TS121000	12	100	331	175	215	238	T17	B
15	TS121200	12	120	522	240	218	242	T15	D
16	TS121500	12	150	522	240	218	242	T15	D
17	TS122000	12	200	522	240	218	242	T15	D
18	TS121050H	12	105	550	105	316	316	T16	D
19	TS121800H	12	180	562	126	316	316	T16	D

Bố trí điện cực



Tiêu chuẩn điện cực



LĨNH VỰC SỬ DỤNG ẮC QUY CÔNG NGHIỆP KÍN KHÍ

* Ắc quy kín khí có dung lượng từ 1,2Ah đến 24Ah được sử dụng cung cấp nguồn điện cho

- | | | | |
|-------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|------------------------------|
| - Thiết bị thông tin | - Truyền hình cáp | - Thiết bị hàng hải | - Đồ chơi |
| - Máy tính | - Hệ thống báo cháy, báo trộm | - Thiết bị y tế | - Máy bán hàng tự động |
| - Thiết bị kiểm tra dùng điện | - Bộ lưu điện UPS | - Máy quay video xách tay | - Hệ thống cung cấp liên tục |
| - Máy đếm tiền | - Hệ thống chiếu sáng khẩn cấp | - Bộ vi xử lý thiết bị văn phòng | - Dụng cụ dùng điện |
| - Xe đạp, xe máy điện | - Thiết bị địa vật lý | - Máy chiếu phim, video xách tay | |

* Ắc quy kín khí có dung lượng từ 18Ah đến 250Ah được sử dụng cung cấp nguồn điện cho

- | | | | |
|--------------------------------|---------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| - Hệ thống viễn thông | - Truyền hình cáp | - Thiết bị hàng hải | - Xe nâng điện |
| - Bộ lưu điện UPS | - Ghế đẩy chạy điện cho người tàn tật | - Thiết bị quốc phòng | - Hệ thống an toàn năng lượng |
| - Hệ thống năng lượng mặt trời | - Trạm năng lượng | - Xe sân golf | - Hệ thống xe lửa |

* Ắc quy kín khí có dung lượng từ 100Ah đến 1200Ah được sử dụng cung cấp nguồn điện cho

- | | | | |
|--------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| - Thiết bị thông tin liên lạc | - Trạm năng lượng | - Thiết bị vận chuyển bốc xếp kho | - Thiết bị y tế |
| - Thiết bị kiểm tra viễn thông | - Trạm năng lượng nguyên tử | - Thiết bị hàng hải | - Thiết bị báo cháy và bảo vệ |
| - Thiết bị chiếu sáng khẩn cấp | - Hệ thống năng lượng gió | - Thiết bị báo động | - Thiết bị kiểm tra |
| - Thiết bị năng lượng điện | - Hệ thống năng lượng mặt trời | - Thiết bị điện toán | - Trạm điện |

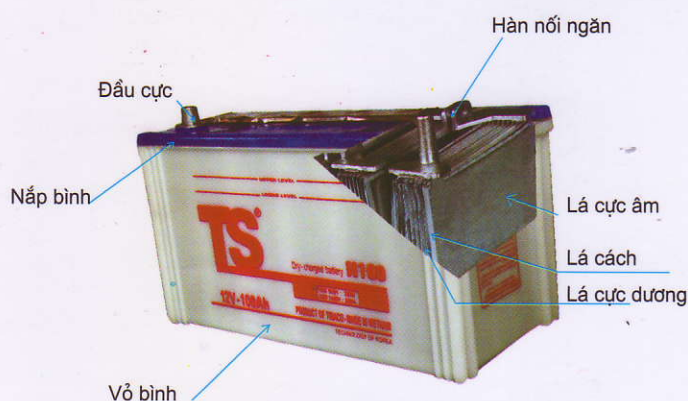
CHÚ Ý LỰA CHỌN VÀ SỬ DỤNG ẮC QUY

- Lựa chọn ắc quy phù hợp với mục đích sử dụng (điện thế, dung lượng, kích thước, chủng loại ắc quy)
- Phải dùng phóng và nạp điện ngay khi điện thế 1,75V/ắc quy 2V; 5,25V/ắc quy 6V và 10,5V/ắc quy 12V
- Với ắc quy tích điện khô trong quá trình sử dụng nếu điện dịch bị cạn chỉ được bổ sung bằng nước cất hoặc nước sạch khoáng chất cao hơn lá cách 10 đến 15mm. Không được bổ sung dung dịch axit ở bất kỳ nồng độ nào.
- Nạp điện:
- * Với ắc quy tích điện khô nạp phương pháp dòng không đổi $I_{\text{nạp}} = 0,05C_{20}$ (A) đến khi điện dịch sủi tăm mạnh đều, điện thế và tỷ trọng điện dịch không thay đổi 3 giờ.
- * Với ắc quy kín khí, nạp phương pháp thế không đổi. Dòng nạp lớn nhất $\leq 0,25C_{20}$
 - + Khi phụ nạp thường xuyên: $U_{\text{nạp}} = 2,25$ đến 2,30V/ắc quy 2V; 6,75 đến 6,90V/ắc quy 6V; 13,50 đến 13,80V/ắc quy 12V.
 - + Khi nạp chu kỳ $U_{\text{nạp}} = 2,40$ đến 2,50V/ắc quy 2V; 7,20 đến 7,50V/ắc quy 6V; 14,40 đến 14,50V/ắc quy 12V.
- Ắc quy chưa sử dụng cần bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NỔI BẬT CỦA ẮC QUY KÍN KHÍ

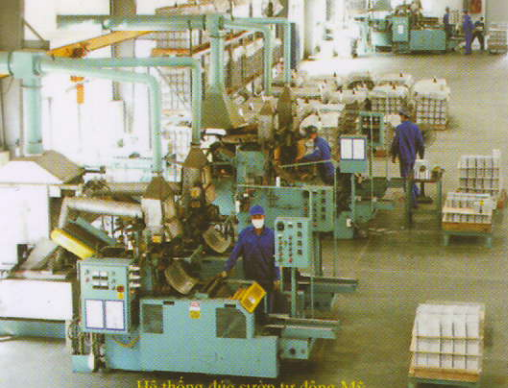
- Có cấu trúc kín hoàn thiện, không cần bổ sung nước cất và đo tỷ trọng điện dịch trong suốt quá trình sử dụng.
- Giảm tối đa vị trí lắp đặt do ắc quy được thiết kế gọn.
- Ắc quy được chế tạo bằng các phụ kiện có độ dẫn điện tốt nên điện trở nhỏ, điều đó cho phép ắc quy có khả năng phóng dòng cao.
- An toàn khi sử dụng: không có điện dịch axit và khí thoát ra ngoài trong quá trình sử dụng ắc quy.
- Có thể sử dụng thành công suất lớn: khi đấu nối hỗn hợp (nối tiếp và song song) nhiều bình với nhau

CẤU TRÚC ẮC QUY TÍCH ĐIỆN KHÔ



CẤU TRÚC ẮC QUY KÍN KHÍ





Hệ thống đúc sườn tự động Mỹ



Hệ thống trải cao tự động Mỹ



Hệ thống lắp tự động



Hệ thống bán chìm tự động Anh



Hệ thống xử lý nước thải thành

CÁC CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Số 9A Trần Khánh Dư, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

ĐT : (04) 3972 8094

Fax : (04) 3972 8095

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 800 Nguyễn Lương Bằng, Hòa Hiệp Nam, Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

ĐT : (0511) 372 4939

Fax : (0511) 372 0486

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 020 lô F, đường S11, chung cư KCN Tân Bình,

Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

ĐT : (08) 3815 0095

Fax : (08) 5435 5798

Chi nhánh Nam Định

Địa chỉ: Số 179 Đường Giải Phóng, Tân An, Lộc Hòa, Nam Định

ĐT : (0350) 3841 766

Chi nhánh Quảng Ninh

Địa chỉ: Tổ 13 khu 4 Đường Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

ĐT : (033) 3823 437

Chi nhánh Thái Nguyên

Địa chỉ: Số 257 Đường Thống Nhất, Gia Sàng, Thái Nguyên

ĐT : (0280) 3856 372

CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

★ Hải Phòng:

Cửa hàng số 1:	Đường 208 Đại lộ Tôn Đức Thắng An Đồng, An Dương
Cửa hàng số 2:	Số 97 Đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng
Cửa hàng số 3:	Số 382 Phan Đăng Lưu, Kiến An
Cửa hàng số 4:	Số 3 Lê Thánh Tông, Máy Tơ, Ngô Quyền
Cửa hàng số 5:	Ki ốt số 2 vườn hoa Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền
Cửa hàng số 6:	Quầy 29 chợ Sắt, Phạm Hồng Thái, Hồng Bàng

ĐT: 031.3857 626

ĐT: 031.3850 629

ĐT: 031.3877 566

ĐT: 031.3551 294

ĐT: 031.3859 291

ĐT: 031.3831 590

